

VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 3 : NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Vận dụng kiến thức đã học trong phần Văn học ở nửa đầu học kì I để viết bài nghị luận văn học về một bài thơ, đoạn thơ, trong đó có sử dụng các thao tác phân tích, bình luận, nêu cảm nghĩ.

– Rèn luyện, củng cố kĩ năng tìm hiểu đề, lập dàn ý, tổ chức bài văn, các thao tác phân tích, bình luận văn học.

– Bước đầu rèn luyện cho HS khả năng nghị luận tập trung vào một khía cạnh, một vấn đề nổi bật trong đặc điểm nghệ thuật hoặc nội dung của tác phẩm, biết cách trình bày ngắn gọn và rõ ràng vấn đề trong một hệ thống lập luận chặt chẽ. Đồng thời nâng cao năng lực tư duy tổng hợp, so sánh, đối chiếu một cách có cơ sở, có hệ thống để làm rõ đặc điểm bản chất, tương đồng hoặc khác biệt của một số tác phẩm đã được tìm hiểu.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Đây là bài thực hành mang tính tổng hợp cao. Bài học đòi hỏi HS vận dụng linh hoạt những kĩ năng nghị luận đã được củng cố, trang bị qua hệ thống các bài học của phần Làm văn và trực tiếp là các thao tác về lập luận, viết đoạn văn nghị luận. Đồng thời, bài học này còn nhằm giúp HS huy động kiến thức và kĩ năng đã lĩnh hội được trong bài *Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX* và các bài học về thơ trữ tình : *Tây Tiến* (Quang Dũng), *Việt Bắc* (Tố Hữu), *Đất Nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm). HS cũng cần vận dụng một cách sáng tạo những kiến thức và kĩ năng đã học trong bài *Luật thơ* để có thể phát hiện, nghị luận về những đặc điểm nghệ thuật nổi bật trong các văn bản thơ trữ tình nói trên.

GV nên tổ chức đề bài theo hai phần (tương tự như những đề bài tham khảo trong SGK) để có thể kiểm tra, đánh giá được một cách có hiệu quả các đơn vị kiến thức và kĩ năng quan trọng của HS.

2. Trọng tâm bài học

HS vận dụng kiến thức văn học trong các bài học về các tác phẩm trữ tình và kĩ năng làm văn để làm bài.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

Để HS có thể chủ động và sáng tạo trong việc làm bài, trước khi cho HS viết bài, GV cần yêu cầu HS đọc kĩ các đề tham khảo và một số đề gợi ý khác mà GV tự soạn. Hướng dẫn HS ôn tập lại các kiến thức văn học trong bài văn học sử và chú ý các kĩ năng làm văn. Cần yêu cầu HS đọc kĩ phần hướng dẫn, gợi ý cách làm bài trong SGK.

Với dạng câu hỏi như câu *a* của đề bài, GV định hướng cho HS trình bày trực tiếp, ngắn gọn, đi thẳng vào bản chất của vấn đề cần nghị luận. GV nên soạn thêm một số câu hỏi với những yêu cầu về kiến thức và kĩ năng tương tự và lựa chọn một số câu phù hợp với năng lực của từng đối tượng HS để định hướng cho các em tự ôn tập ở nhà trước khi viết bài. Có thể cung cấp cho các em những tư liệu để đọc, tham khảo một cách chủ động. Nên hướng dẫn các em biết cách thu thập, xử lí tư liệu, chuẩn bị kiến thức tốt để làm bài nhưng tránh sao chép máy móc.

Với dạng câu hỏi như câu *b* của đề bài, GV định hướng để các em nâng cao kĩ năng tổ chức một văn bản hoàn chỉnh, ngắn gọn và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về nội dung của đề bài. Cần đặc biệt lưu ý các em tránh những lỗi sau đây :

– Trình bày những vấn đề chung về tác phẩm, tác giả quá lan man, dài dòng mà không giải quyết được đầy đủ vấn đề chính.

– Nghị luận không đúng vấn đề mà đề bài yêu cầu, chẳng hạn, đề bài yêu cầu nghị luận về hình tượng người lính Tây Tiến nhưng HS có thể không tổng hợp được nội dung, không xử lí được kiến thức nên đi vào nghị luận về toàn bộ tác phẩm hoặc một số đoạn thơ trong bài...

Để HS có hứng thú và phát huy được năng lực sáng tạo, với câu *b*, GV nên cho HS tự chọn một trong hai đề.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

GV cần căn cứ vào trình độ, khả năng nhận thức, kĩ năng làm bài của đối tượng HS trong từng lớp để có thể điều chỉnh thang điểm và đáp án của các đề bài ở những mức độ nhất định, sao cho việc đánh giá kết quả được xác đáng. Trên cơ sở những chuẩn kiến thức và kĩ năng chung, những điều chỉnh linh hoạt của GV có vai

trò rất quan trọng trong việc phát huy những điểm mạnh, giúp HS nhận ra và sửa chữa những sai sót trong bài làm.

2. Gợi ý giải bài tập

Sau đây là một số đáp án và thang điểm gợi ý của các đề bài tham khảo. GV có thể cung cấp đáp án và thang điểm này để HS đối chiếu, tự đánh giá, sửa lỗi trước khi GV công bố và ấn định điểm của các bài làm trong tiết trả bài. Sử dụng các thang điểm này không phải là đếm ý cho điểm mà cần chú ý các chuẩn kiến thức, kĩ năng nhất định. Có thể vận dụng tùy theo từng nhóm đối tượng để đánh giá một cách xác đáng và linh hoạt.

Đề 1

Câu a (3 điểm)

– Giới thiệu ngắn gọn về hoàn cảnh ra đời, đề tài của bài thơ (0,5 điểm).

– Những biểu hiện cụ thể của tính dân tộc trong bài thơ :

+ Tính dân tộc được biểu hiện trong nội dung của bài thơ (1 điểm) : đề tài, hình tượng trung tâm, cảm hứng chủ đạo của bài thơ đều hướng tới những vấn đề lớn của lịch sử dân tộc (cuộc kháng chiến chống Pháp ; hình tượng đất nước, con người Việt Nam vừa anh dũng, quật cường, vừa tràn đầy vẻ đẹp thơ mộng, đậm thắm ; cảm hứng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng).

+ Tính dân tộc được biểu hiện trong hình thức nghệ thuật của bài thơ (1,5 điểm) : thể thơ lục bát, giọng điệu trữ tình (lời bày tỏ, đối đáp tâm tình ngọt ngào của ca dao), cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh.

Câu b (7 điểm)

Mở bài (0,5 điểm)

– Giới thiệu ngắn gọn về hoàn cảnh ra đời, đề tài, cảm hứng chủ đạo của bài thơ *Tây Tiến* (Quang Dũng).

– Trình bày ngắn gọn về vị trí, cảm hứng trữ tình nổi bật của đoạn trích.

Thân bài (6 điểm)

– *Nỗi nhớ không gian, nhớ núi rừng, làng bản* : HS bám sát được giọng điệu, từ ngữ, hình ảnh cụ thể để nêu bật được tâm trạng nhớ nhung đến cồn cào, khắc khoải của nhà thơ khi hướng về Tây Tiến. Mỗi địa danh miền tây Bắc Bộ đều gắn với những ấn tượng sâu đậm trong kí ức nhà thơ. Qua thế giới thiên nhiên, HS cần cảm nhận, phân tích được nét riêng của hồn thơ Quang Dũng : “Sông Mã xa rồi... Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.” (2 điểm)

– *Nỗi nhớ đồng đội* : HS cảm nhận và phân tích được tâm trạng của nhà thơ qua hình ảnh người lính Tây Tiến trên con đường hành quân đầy gian khổ. Nỗi đau mất mát, niềm cảm thương vô hạn của nhà thơ được nói lên bằng giọng ngang tàng, kiêu hãnh, nhằm vượt lên thực tại khốc liệt “Anh bạn dãi dầu không bước nữa – Gục lên súng mũ bỏ quên đời!”. (2 điểm)

– Sự kết hợp giữa giai điệu cảm xúc bi tráng, mãnh liệt và nét thi vị, bay bổng trong tâm trạng trữ tình qua bức tranh thiên nhiên và con người miền tây Bắc Bộ : “Chiều chiều oai linh thác gầm thét... Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.”. (2 điểm)

Kết bài (0,5 điểm)

– Nêu kết luận tổng quát về ý nghĩa của hình tượng nghệ thuật và đặc trưng của cảm xúc trữ tình trong đoạn thơ.

– Đánh giá vắn tắt về những đặc điểm nghệ thuật nổi bật của đoạn thơ trong mối liên hệ với toàn tác phẩm.

Đề 3

Câu a (3 điểm)

HS cần nêu được các ý chính sau :

– Đặc điểm quan trọng trong cách sử dụng thi liệu, xây dựng hình tượng của bài thơ : ảnh hưởng của văn hoá, văn học dân gian (cổ tích, ca dao,...).

– Xác định được những bài ca dao có mối quan hệ về thi liệu, hình tượng với câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm : “Muối đã mặn ba năm còn mặn – Gừng đã cay chín tháng còn cay...” ; “Tay nâng chén muối đĩa gừng – Gừng cay muối xin đừng quên nhau...”. Phân tích ngắn gọn ý nghĩa của những hình ảnh này.

– Chỉ ra sự khác biệt giữa hình ảnh *muối – gừng* trong ca dao và câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm : Trong ca dao, *muối – gừng* được dùng như hình ảnh tượng trưng của tình yêu lứa đôi bền chặt qua những câu thề nguyện, hẹn ước. Trong câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm, *muối – gừng* còn biểu trưng cho vẻ đẹp tâm hồn bền vững của dân tộc, của ông bà, cha mẹ, tổ tiên – nguồn mạch tạo nên giá trị tinh thần, giá trị văn hoá của đất nước. Chính vì thế, giọng điệu tâm tình trong những câu ca dao là giọng trao duyên đầm thắm, ngọt ngào ; giọng tâm tình trong câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm là giọng hồi tưởng, có sắc thái trang trọng.

Câu b (7 điểm)

Phần nội dung chính của bài viết, HS cần trình bày được hai luận điểm chính :

– Vẻ đẹp bi tráng của người lính Tây Tiến

+ Hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp hào hùng, lẫm liệt – có bóng dáng của các tráng sĩ xưa nhưng cũng rất thời đại, rất mới mẻ. Ý chí chiến đấu

quên mình, tình yêu mãnh liệt với quê hương đất nước, tình yêu cuộc sống làm bừng sáng vẻ đẹp của cuộc đời chiến đấu gian khổ.

+ Vẻ đẹp của người lính không tách rời nỗi đau của chiến tranh ác liệt. Sự hi sinh của những người lính đã được biểu hiện bằng những hình ảnh bi thương, nhưng không bi lụy.

– Vẻ đẹp tâm hồn lãng mạn, hào hoa

+ Lí giải nguyên nhân tạo nên nét khác biệt giữa hình tượng người lính trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng so với hình tượng người lính trong các tác phẩm khác của thơ ca thời kì kháng chiến chống Pháp (*Cá nước*, Tố Hữu ; *Đồng chí*, Chính Hữu).

+ Vẻ đẹp lãng mạn của người lính Tây Tiến được bộc lộ không phải chỉ ở dáng vẻ “oai hùng”, phóng túng mà luôn thăng hoa trong tâm hồn, trong từng giai điệu cảm xúc của người lính giữa cảnh tàn khốc của chiến tranh.

Ngoài ra, cần nhận định tổng quát về đặc trưng của hình tượng nghệ thuật (Chất lãng mạn và chất anh hùng trong hình tượng người lính không tách rời, không mâu thuẫn với nhau mà thấm thấu, hoà nhập làm một để tạo nên vẻ đẹp vừa lí tưởng, vừa hiện thực của hình tượng thơ.) và về đóng góp của Quang Dũng trong cách biểu hiện hình tượng người lính trong thơ ca kháng chiến.

Những nội dung trên đây chỉ là gợi ý, định hướng chung về đáp án và thang điểm cho một số đề bài tham khảo đã nêu trong SGK. GV có thể điều chỉnh, bổ sung những nội dung cụ thể, tổng hợp lại hoặc phân chia thang điểm chi tiết hơn, phù hợp với từng đối tượng HS. Tuy nhiên, cần đảm bảo một hệ thống nội dung cơ bản và tiêu chí đánh giá tương đối thống nhất trên cơ sở các chuẩn kiến thức và kĩ năng của chương trình.